

Số: 30 /2026/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 02 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 2442/SNNMT-QLĐĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, Tờ trình số 3092/TTr-SNNMT ngày 28 tháng 5 năm 2026; ý kiến của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1203/STP-XDTHPL ngày 05 tháng 5 năm 2026, Báo cáo số 1511/BC-STP ngày 26 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các tổ chức, người có đất thu hồi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Trung tâm thông tin tỉnh (đăng công khai);
- Lưu: VT, ND.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Thạch



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 30 /2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm
2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 109, khoản 7, khoản 10 Điều 111 của Luật Đất đai năm 2024; khoản 4; điểm c khoản 9; khoản 12 Điều 3 của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; khoản 3 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, điểm b khoản 2 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 5, khoản 6 Điều 20, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; khoản 6 Điều 11 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi; cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Điều kiện để được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi để bồi thường cho người có đất thu hồi:

a) Đất thu hồi là đất đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

b) Trên địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi đã có quỹ đất để bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất bị thu hồi tại thời điểm thu hồi đất;

c) Người có đất thu hồi có đơn đề nghị được bồi thường bằng đất khác với loại đất thu hồi hoặc bằng đất ở;

2. Các loại đất, diện tích thu hồi và tỷ lệ quy đổi:

a) Khi Nhà nước thu hồi đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác có diện tích từ 3.000 m² trở lên đối với địa bàn Phường và từ 5.000 m² trở lên đối với địa bàn Xã thì được bồi thường bằng việc giao 01 thửa (lô) đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, nhưng diện tích đất ở được quy đổi để giao không vượt quá hạn mức giao đất ở và không thấp hơn diện tích suất tái định cư tối thiểu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Khi Nhà nước thu hồi đất rừng sản xuất (*rừng trồng sản xuất*) từ 10.000 m² trở lên đối với địa bàn Phường và từ 20.000 m² trở lên đối với địa bàn Xã thì được bồi thường bằng việc giao 01 thửa (lô) đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, nhưng diện tích đất ở được quy đổi để giao không vượt quá hạn mức giao đất ở và không thấp hơn diện tích suất tái định cư tối thiểu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Diện tích đất thu hồi để tính tỷ lệ quy đổi quy định tại các điểm a, điểm b khoản này là diện tích trong phạm vi xã, phường nơi có đất thu hồi tại thời điểm có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và được xác định theo từng dự án phải thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất thu hồi của các dự án thu hồi đất trước đó; không bao gồm diện tích được tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất phát sinh sau thời điểm đã có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của các đối tượng: hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế thì không thuộc đối tượng quy định tại Điều này.

4. Bồi thường bằng nhà ở: Căn cứ quỹ nhà ở trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với từng dự án cụ thể.

Điều 4. Bồi thường thiệt hại đối với nhà, công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 102 Luật Đất đai thì được bồi thường theo quy định sau:

$$\begin{array}{lcl} \text{Mức bồi thường} & & \text{Giá trị hiện có} \\ \text{nha, công trình} & = & \text{của nhà, công} \\ & & \text{trình bị thiệt hại} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Khoản tiền tính bằng tỷ lệ} \\ \text{phần trăm (\%)} \text{ theo giá trị} \\ \text{hiện có của nhà, công trình} \end{array}$$

1. Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại được xác định bằng (=) tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà, công trình đó nhân (x) với giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành. Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại được xác định theo công thức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP;

2. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình như sau:

- Được tính bằng 20% giá trị hiện có của nhà, công trình, nhưng mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

- Đối với nhà, công trình đã hết thời gian khấu hao theo quy định nhưng tại thời điểm thông báo thu hồi đất vẫn đang sử dụng và trường hợp nhà, công trình chưa hết thời gian khấu hao, nhưng giá trị bồi thường nhà, công trình thấp hơn 20% giá trị xây mới của nhà, công trình bị thiệt hại tại thời điểm thông báo thu hồi đất thì khoản tiền tính tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình được tính bằng 20% giá trị xây mới nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành quy định; đối với các cấp nhà, công trình đã hết thời gian khấu hao và không còn sử dụng thì không được bồi thường.

3. Đối với nhà, công trình xây dựng phục vụ cho sinh hoạt của nhà ở được xây dựng thành các phần tách biệt về kết cấu chịu lực và các công trình xây dựng có dạng nhà nhưng không phải là nhà ở (nhà xưởng, nhà hàng kinh doanh,...) thì từng phần tách biệt được xử lý như một ngôi nhà quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn liền với đất đang sử dụng thì mức bồi thường tính bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật cùng cấp theo tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành; nếu công trình không còn sử dụng thì không được bồi thường.

5. Xử lý các trường hợp cụ thể:

a) Đối với nhà ở, các công trình xây dựng khác của các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất không bị phá dỡ nhưng quá trình thực hiện dự án làm ảnh hưởng đến điều kiện sinh hoạt thiết yếu như (mất lối đi lại, lối thoát nước, nguồn điện, cấp nước...) thì được bồi thường chi phí khắc phục. Trường hợp không thể khắc phục thì được bồi thường, hỗ trợ như đối với trường hợp bị phá dỡ toàn bộ nhà, công trình;

b) Đối với nhà, công trình xây dựng có trong Bảng giá nhà và các công trình xây dựng gắn liền với đất để tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (sau đây gọi là Bảng giá nhà và các công trình xây dựng) thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ đơn giá bồi thường lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức lấy ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; hoàn chỉnh phương án, trình Hội đồng thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt;

c) Đối với nhà, công trình xây dựng không có trong Bảng giá nhà và các công trình xây dựng thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán hoặc thuê tư vấn lập dự toán để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Điều 5. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Đối với các trường hợp theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 50% giá đất của loại đất thu hồi của Bảng giá đất. Kinh phí bồi thường được trả cho người đã đầu tư vào đất.

2. Đối với các trường hợp theo quy định tại điểm d, điểm e, khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 100% giá đất của loại đất thu hồi của Bảng giá đất. Kinh phí bồi thường được trả cho người đã đầu tư vào đất.

3. Người bị thu hồi đất tại khoản 1 và khoản 2 điều này, tự kê khai, nêu rõ các khoản chi phí đã đầu tư vào đất còn lại phù hợp với mục đích sử dụng từng loại đất, diện tích, thời điểm sử dụng đất. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tiến hành kiểm tra và tổ chức họp lấy ý kiến của thôn, xóm, tổ dân phố để xác định và thống nhất các khoản bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại của người có đất thu hồi. Việc tổ chức họp lấy ý kiến phải được lập thành Biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và đại diện các thành phần tham dự cuộc họp.

Điều 6. Bồi thường thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Bồi thường thiệt hại đất đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn trong trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thực hiện như sau:

a) Đối với đất ở, các loại đất khác cùng thửa đất ở, các loại đất khác có nguồn gốc cùng thửa đất ở và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở có đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai, Điều 5 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ thì được bồi thường một lần bằng 80%

mức bồi thường khi thu hồi đất cùng loại, tính trên diện tích đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn;

b) Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (đối với đất rừng trồng) đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 95, khoản 3 Điều 96 Luật Đất đai, Điều 5 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ thì được bồi thường một lần bằng 30% mức bồi thường khi thu hồi đất cùng loại, tính trên diện tích đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn.

2. Diện tích đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất, do hạn chế khả năng sử dụng thì được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này chỉ được thực hiện một (01) lần.

Điều 7. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà đang thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp được cơ quan quản lý nhà cho phép và phù hợp với quy hoạch. Tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn lập dự toán để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Chương III HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 8. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai đang sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi đất được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (hỗ trợ bằng tiền) theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai. Mức hỗ trợ bằng 3,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 176 Luật Đất đai.

Đối tượng được hỗ trợ là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại khoản 1, hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại khoản 2, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán đất, hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán vườn cây sử dụng đất để trồng mới, chăm sóc vườn cây, thu hoạch quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Điều 9. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai

Việc tổ chức thực hiện hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ, như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ

- a) Người được hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 109 Luật Đất đai.
- b) Hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai.

2. Thời hạn hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

3. Hỗ trợ đào tạo nghề

a) Điều kiện hỗ trợ đào tạo

Người có đất thu hồi có nhu cầu tham gia đào tạo nghề thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 27/2026/TT-BTC ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Thông tư số 43/2023/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Hỗ trợ đào tạo nghề

Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ chi phí đào tạo, mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 03 triệu đồng/người/khóa học;

- Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại: Mức hỗ trợ tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày thực học; Mức hỗ trợ tiền đi lại: 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên;

Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ học phí cho một khóa học. Mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của pháp luật.

Người học nghề đồng thời được hưởng hỗ trợ học phí ở nhiều chính sách khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất.

Người lao động có đất thu hồi được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách quy định tại điểm b khoản này.

c) Kinh phí hỗ trợ đào tạo quy định tại điểm b khoản này được xây dựng trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và được tính trong tổng kinh phí của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hỗ trợ việc làm

a) Hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

- Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ:

Đào tạo ngoại ngữ: theo mức cụ thể của từng khóa học và thời gian học thực tế, tối đa 3 triệu đồng/người/khóa.

Bồi dưỡng kiến thức cần thiết: theo chi phí thực tế, tối đa 530.000 đồng/người/khóa học.

Tiền ăn trong thời gian đào tạo: mức 40.000 đồng/người/ngày.

Chi phí đi lại (01 lượt đi và về): Đối với người lao động cư trú hợp pháp cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên: 200.000 đồng/người/khóa; người lao động từ nơi cư trú tại các vùng đặc biệt khó khăn đến địa điểm đào tạo từ 5 km trở lên: 300.000 đồng/người/khóa.

- Hỗ trợ chi phí làm thủ tục đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, bao gồm:

Lệ phí làm hộ chiếu theo mức quy định tại Thông tư số 28/2026/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.

Lệ phí cấp lý lịch tư pháp theo mức quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động.

Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám chữa bệnh thực tế của cơ sở được phép thực hiện khám sức khỏe: mức hỗ trợ 750.000đ/người.

Kinh phí thực hiện: Được xây dựng trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và được tính trong chi phí đầu tư của dự án hoặc tổng kinh phí của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Người có đất nông nghiệp, đất kinh doanh thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc đối tượng theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày

14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025, Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ Điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025, được hỗ trợ theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC, Thông tư số 75/2024/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 112/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Người lao động thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ ở nhiều chính sách khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất.

Kinh phí thực hiện: Được xây dựng trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và được tính trong chi phí đầu tư của dự án hoặc tổng kinh phí của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

b) Hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước

- Người có đất thu hồi được hỗ trợ:

Tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí tại Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Cao Bằng.

Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

Mức vay: tối đa 100 triệu đồng/người

Thời hạn vay vốn tối đa 120 tháng (*thời hạn vay vốn cụ thể do Ngân hàng chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn*).

Lãi suất vay vốn: người lao động được vay vốn lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay đối với hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật về tín dụng đối với hộ cận nghèo.

- Điều kiện đảm bảo tiền vay: Đối với mức vay từ 100 triệu đồng trở lên, người lao động vay vốn ưu đãi để tạo việc làm duy trì và mở rộng việc làm từ

Quỹ quốc gia về việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm.

Điều 10. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài có đất bị thu hồi, đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở, mức hỗ trợ trên địa bàn các xã, phường như sau:

Đối với hộ có từ 01 - 04 khẩu, diện tích thu hồi dưới 150 m² đất ở, mức hỗ trợ là: 100.000.000 đồng/hộ; diện tích thu hồi từ 150 m² đến 200 m² thì mức hỗ trợ cộng thêm cho mỗi một mét vuông là 1.000.000 đồng; diện tích thu hồi trên 200 m² thì mức hỗ trợ cộng thêm cho mỗi một mét vuông là 500.000 đồng; đối với hộ có số nhân khẩu từ khẩu thứ 05 trở lên thì mỗi khẩu tăng thêm được hỗ trợ 5.000.000 đồng/khẩu *(không công nhận nhân khẩu tăng thêm sau khi đã có thông báo thu hồi đất, trừ trường hợp tăng do sinh, kết hôn)*;

Điều 11. Bố trí tái định cư quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai; điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai và điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, được quy định như sau:

- a) Khu vực đất thuộc phường: Diện tích đất ở tối thiểu là: 60 m²;
- b) Khu vực đất thuộc xã: Diện tích đất ở tối thiểu là: 120 m².

Đối với khu vực đất thuộc xã nhưng nằm trong khu vực đô thị theo Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thì thị trấn của các huyện cũ nay thuộc các xã mới khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp được công nhận là đô thị loại III, thì suất tái định cư tối thiểu được áp dụng như điểm a khoản này.

2. Hỗ trợ giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai:

a) Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở thu hồi, không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn cấp xã, phường thì được xem xét hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân còn thiếu với diện tích đất giao bằng diện tích suất tái định cư tối thiểu theo từng khu vực được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác định các điều kiện để giao đất quy định tại điểm a khoản này, đồng thời căn cứ quỹ đất ở của địa phương, xem xét, quyết định về số lô, diện tích giao bảo đảm phù hợp quy định.

Điều 12. Hỗ trợ thuê nhà ở, giao đất ở, hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP)

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà ở tại nơi tái định cư; giá thuê nhà là giá thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; nhà thuê tại nơi tái định cư được Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê. Việc hỗ trợ được thực hiện như sau:

1. Trường hợp tự lo chỗ ở mới thì mức hỗ trợ thuê nhà ở như sau: Hộ độc thân là 2.000.000 đồng/hộ/tháng; hộ có 02 khẩu hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ/tháng; hộ có từ 03 khẩu trở lên hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ/tháng. Thời gian hỗ trợ là 06 tháng;

2. Hỗ trợ giao đất ở có thu tiền sử dụng đất, diện tích đất giao không thấp hơn suất tái định cư tối thiểu và không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 13. Bố trí tạm cư, thời gian và kinh phí tạm cư đối với trường hợp thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai; quyết định thu hồi đất trước khi hoàn thành bố trí tái định cư theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15;

Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai; người có đất ở bị thu hồi đất trước khi hoàn thành việc bố trí tái định cư quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 thì trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở như sau: Hộ độc thân là 2.000.000 đồng/hộ/tháng; hộ có 02 khẩu hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ/tháng; hộ có từ 03 khẩu trở lên hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ/tháng. Thời gian hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân di chuyển chỗ ở trước khi được giao đất tái định cư (theo yêu cầu của dự án) thì thời gian hỗ trợ được tính từ khi di chuyển đến khi được giao đất tái định cư tại thực địa cộng thêm 06 tháng để ổn định nơi ở mới;

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân di chuyển chỗ ở sau khi được giao đất tái định cư tại thực địa mà thời gian di chuyển trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được giao đất tái định cư tại thực địa hoặc trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự lo chỗ ở thì thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

Kinh phí hỗ trợ thuê nhà được tính trong tổng mức kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng dự án. Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà được tính theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư thể hiện tại dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (lần đầu); quá thời hạn trên, chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm chi trả tiền thuê nhà trong trường hợp dự án chậm tiến độ.

Điều 14. Thường đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai

1. Thường 15.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân đối với người sử dụng đất ở bị thu hồi và phải di chuyển chỗ ở mà nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường ban hành thông báo bàn giao mặt bằng;

2. Thường đối với người sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi mà nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường ban hành thông báo bàn giao mặt bằng thì được thưởng như sau:

Đối với đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác là: 5.000 đồng/m² theo diện tích thực tế thu hồi;

Đối với đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (*rừng trồng sản xuất*) là: 3.000 đồng/m² theo diện tích thực tế thu hồi.

3. Thường đối với người sử dụng đất ở mà không phải di chuyển chỗ ở bị thu hồi mà nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường ban hành thông báo bàn giao mặt bằng thì được thưởng là: 30.000 đồng/m² theo diện tích thực tế thu hồi;

Đối với đất ở mà không phải di chuyển chỗ ở là: 30.000 đồng/m² theo diện tích thực tế thu hồi.

Điều 15. Hỗ trợ di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất theo khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP*)

1. Đối với mồ mã trong phạm vi đất thu hồi phải di dời thì được bồi thường các chi phí gồm: Đào, bốc, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác theo mức bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Hỗ trợ do phải di dời mồ mã khi nhà nước thu hồi đất.

a) Hỗ trợ di dời mồ mã đã cải táng mức hỗ trợ là 10.000.000 đồng/ngôi.

b) Hỗ trợ di dời mồ mã chưa cải táng mức hỗ trợ là 15.000.000 đồng/ngôi.

c) Trường hợp tự thu xếp việc di chuyển mồ mã ngoài khu vực được bố trí thì được hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng/ngôi.

3. Trường hợp mồ mã trong phạm vi đất thu hồi phải di dời, không có người nhận quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP (mộ vắng chủ), thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mồ mã phải di dời tiến hành các thủ tục di dời mồ mã theo phong tục, tập quán tại địa phương. Kinh phí di dời được tính trong kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất. Chi phí hỗ trợ, tổ chức thực hiện là 10.000.000 đồng/ngôi (*Bao gồm hỗ trợ phần lễ, công đào, bốc, sang tiểu, di chuyển, chôn cất tại nơi an táng mới theo phong tục tập quán của địa phương, ...*)

4. Vật kiến trúc khác liên quan đến phần mộ nếu không có trong Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất của tỉnh thì căn cứ vào hiện trạng thực tế, Tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn lập dự toán để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Đối với tài sản, vật kiến trúc khác xây dựng trên đất trong khuôn viên mộ người dân chôn cất theo phong tục tập quán, trên đất nông nghiệp hoặc đất gia đình nhận chuyển nhượng để chôn cất mộ mà không phải đất nghĩa trang, nghĩa địa tập trung do Nhà nước quy hoạch, quản lý thì được hỗ trợ bằng mức bồi thường theo thực tế theo đơn giá của UBND tỉnh.

Điều 16. Hỗ trợ đối với người có đất bị thu hồi theo khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ (được bổ sung tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ)

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất mà diện tích thu hồi từ 100m² trở lên đối với đất sản xuất nông nghiệp và 1.000m² trở lên đối với đất rừng thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 24 tháng.

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương và được chi trả 01 lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 17. Hỗ trợ đối với người có đất bị thu hồi theo khoản 5 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 24 tháng.

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương và

được chi trả 01 lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ *(không công nhận khấu tăng thêm sau khi đã có thông báo thu hồi đất, trừ trường hợp tăng do sinh, kết hôn)*.

Điều 18. Hỗ trợ đối với người có đất bị thu hồi theo khoản 6 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ

1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng và điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP bị thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh, bao gồm: hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp, mức hỗ trợ là: 10.000 đồng/m².

2. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động.

Mức trợ cấp ngừng việc trong 01 tháng được tính bằng (=) 60% mức lương tối thiểu vùng nhân (x) với hệ số cấp bậc công việc của ngành nghề tương ứng mà người lao động đang được hưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước và không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.

Thời gian trợ cấp ngừng việc là 06 tháng và được chi trả 01 lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

3. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền với mức cao nhất bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó. Trường hợp thời gian kinh doanh chưa đủ 03 năm thì tính theo mức thu nhập bình quân *(tính theo năm)* từ khi bắt đầu kinh doanh *(theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)* đến thời điểm thu hồi đất.

Thu nhập sau thuế được xác định là thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 19. Quy định việc tổ chức thực hiện bố trí tái định cư trong trường hợp địa điểm bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi quy định tại điểm c khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15

1. Trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư đối với dự án có thu hồi đất cần phải bố trí tái định cư hoặc trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư đối với trường hợp không phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo pháp luật chuyên ngành, đơn vị được giao chủ trì chuẩn bị dự án có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến bố trí tái định cư để thực hiện các nội dung sau đây:

a) Khảo sát, đánh giá sự phù hợp của quỹ đất, vị trí khu tái định cư với điều kiện tự nhiên, tập quán sinh hoạt, sinh kế và nhu cầu ổn định đời sống của người có đất thu hồi;

b) Dự thảo phương án sơ bộ về địa điểm, quy mô, quỹ đất ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của khu tái định cư theo quy hoạch được phê duyệt;

c) Lập biên bản thống nhất giữa các bên liên quan về việc tiếp nhận và bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã, làm cơ sở để lập, thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

2. Trên cơ sở phương án tái định cư đã được thống nhất theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm:

a) Chủ trì xác định đối tượng, nhu cầu bố trí tái định cư; thống nhất phương án bố trí tái định cư với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bố trí tái định cư, trong đó cần thể hiện rõ vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư cho người được bố trí tái định cư;

b) Tổ chức công khai, niêm yết phương án bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Phối hợp thực hiện việc thông báo thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật (tính theo địa bàn cấp xã);

đ) Gửi toàn bộ hồ sơ đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong đó đã xác định vị trí địa điểm tái định cư, giá giao đất tái định cư làm căn cứ để Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bố trí tái định cư giao đất, phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người đã được giao đất tái định cư.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bố trí tái định cư, căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, có trách nhiệm:

a) Phối hợp thực hiện việc giao đất tái định cư cho người được bố trí tái định cư đủ điều kiện đối với phần diện tích trên địa bàn quản lý;

b) Xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính của người được bố trí tái định cư (nếu có);

c) Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

4. Trường hợp vị trí tái định cư đã được xác định tại giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi nhưng trong quá trình triển khai dự án cần phải thay đổi sang vị trí tái định cư khác hoặc đối với dự án đầu tư không phải lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật chuyên ngành, thì thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến bố trí tái định cư để rà soát, thống nhất lại phương án bố trí tái định cư, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, quỹ đất, điều kiện hạ tầng;

b) Việc thống nhất phương án bố trí tái định cư thay đổi phải được lập thành biên bản, có sự tham gia, nhất trí của người sử dụng đất mà phải tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi;

c) Trường hợp việc thay đổi vị trí tái định cư làm phát sinh điều chỉnh dự án đầu tư thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và pháp luật có liên quan.

5. Việc nộp tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư và hạch toán số thu tiền đất tái định cư thực hiện quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

Điều 20. Quy định biện pháp, mức hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15

1. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không hợp pháp:

a) Đối với nhà, công trình xây dựng trước 15 tháng 10 năm 1993 nhưng sử dụng đất không đúng mục đích hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới, nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì hỗ trợ như sau: Nhà và công trình xây dựng khác hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường;

b) Đối với nhà, công trình xây dựng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng sử dụng đất không đúng mục đích hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới, nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì hỗ trợ như sau: Nhà và công trình xây dựng khác hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường;

c) Đối với nhà, công trình xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng sử dụng đất không đúng mục đích hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới, nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì hỗ trợ như sau: Nhà và công trình xây dựng khác hỗ trợ bằng 60% mức bồi thường;

d) Đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp được xây dựng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 và trước thời điểm thông báo thu hồi đất nhưng sử dụng đất không đúng mục đích hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới, nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của

cấp có thẩm quyền thì hỗ trợ như sau: Nhà và công trình xây dựng khác hỗ trợ bằng 40% mức bồi thường; Đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp được xây dựng kể từ ngày 01 tháng 8 tháng 2024: không được hỗ trợ.

(Việc xác định thời điểm công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại khoản này, UBND cấp xã lấy ý kiến khu dân cư (tổ dân phố, thôn, xóm), niêm yết công khai để xác định thời điểm xây dựng công trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung xác nhận.)

2. Nhà, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hợp pháp không bị thu hồi đất, không bị phá dỡ *(trước khi thực hiện dự án nhà, công trình vẫn đang được sử dụng bình thường)* nhưng do thực hiện dự án làm ảnh hưởng đến cốt nhà, công trình thì được xem xét hỗ trợ để khắc phục phần ảnh hưởng đối với trường hợp khoảng cách nhà, công trình cách mép công trình của dự án không quá 5,0m, như sau:

a) Cốt đường, công trình cao hoặc thấp hơn cốt nền nhà từ 0,5m đến dưới 0,75m được hỗ trợ phần ảnh hưởng để nhà đó tiếp tục được sử dụng, mức hỗ trợ như sau:

Diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của dự án nhỏ hơn hoặc bằng 03m, được hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường;

Diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của dự án từ trên 03m đến 05m, được hỗ trợ bằng 40% mức bồi thường.

b) Cốt đường, công trình cao hoặc thấp hơn cốt nền nhà từ 0,75m đến dưới 1,5m được hỗ trợ phần ảnh hưởng để nhà đó tiếp tục được sử dụng, mức hỗ trợ như sau:

Diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của dự án nhỏ hơn hoặc bằng 03m, được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường;

Diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của dự án từ trên 03m đến 05m, được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường.

c) Cốt đường, công trình cao hoặc thấp hơn cốt nền nhà từ 1,5m đến 2,5m, được hỗ trợ phần ảnh hưởng để nhà đó tiếp tục được sử dụng, mức hỗ trợ như sau:

Phần diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của dự án nhỏ hơn hoặc bằng 03m, được hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường;

Phần diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của dự án từ trên 03m đến 05m, được hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường.

d) Cốt đường, công trình của dự án cao hoặc thấp hơn cốt nền nhà trên 2,5m thì diện tích nhà đó được hỗ trợ theo đơn giá bồi thường.

3. Tài sản là bê tông sân đường, rãnh cống dọc, ngang, cây xanh trên hành lang giao thông do nhân dân tự làm để sạch đẹp đường phố khi mở đường, dự án không làm lại phần việc này thì hỗ trợ bằng mức bồi thường; trường hợp dự án làm lại phần việc này thì không bồi thường, hỗ trợ.

4. Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh:

a) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường nơi có đất thu hồi (*trừ các trường hợp thuộc đối tượng đã được hỗ trợ thuê nhà theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy định này*); hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường nơi có đất trong hành lang an toàn, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở (*Đối với xã vùng sâu, vùng xa không có nhà để thuê ở, hộ gia đình, cá nhân được xem xét hỗ trợ dựng nhà tạm như mức hỗ trợ thuê nhà*), mức hỗ trợ như sau: Hộ độc thân là 2.000.000 đồng/hộ/tháng; hộ có 02 khẩu hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ/tháng; hộ có từ 03 khẩu trở lên hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ/tháng.

Thời gian hỗ trợ, cụ thể như sau:

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân di chuyển chỗ ở trước khi được giao đất tái định cư (*theo yêu cầu của dự án*) thì thời gian hỗ trợ được tính từ khi di chuyển đến khi được giao đất tái định cư tại thực địa cộng thêm 06 tháng để ổn định nơi ở mới;

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân di chuyển chỗ ở sau khi được giao đất tái định cư tại thực địa mà thời gian di chuyển trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được giao đất tái định cư tại thực địa hoặc trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự lo chỗ ở thì thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

b) Hỗ trợ thuê địa điểm sản xuất, kinh doanh, làm việc đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (*có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh, giấy đăng ký hộ kinh doanh và đang hoạt động*), mức hỗ trợ là 20.000 đồng/m²/tháng tính theo mét vuông (m²) xây dựng nhà làm việc hoặc xưởng sản xuất bị phá dỡ, thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

5. Đối với nhà, công trình phá dỡ một phần thì thực hiện như sau:

a) Đối với nhà xây 01 tầng lợp mái, nhà tạm để ở và phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân bị phá dỡ một phần tường hoặc cột chịu lực của nhà đó thì tính bồi thường theo quy định cho phần bị phá dỡ, phần diện tích còn lại của nhà đó được hỗ trợ bằng mức bồi thường, không tính hỗ trợ nhà, công trình khác tiếp theo;

b) Đối với nhà xây 01 tầng mái bằng bê tông cốt thép, nhà xây từ 02 tầng trở lên, nhà để sản xuất kinh doanh bị phá dỡ một phần diện tích nhà, phần bị phá dỡ tường hoặc cột chịu lực thì tính bồi thường theo quy định cho phần diện tích bị phá dỡ, phần diện tích nhà còn lại được hỗ trợ như sau:

Phần nhà còn lại tiếp theo (*tính từ cọc mốc giải phóng mặt bằng trở vào*) có kích thước nhỏ hơn hoặc bằng 10m thì toàn bộ diện tích còn lại được hỗ trợ bằng mức bồi thường, không tính hỗ trợ nhà, công trình tiếp theo;

Phần nhà còn lại tiếp theo (*tính từ cọc mốc giải phóng mặt bằng trở vào*) có kích thước lớn hơn 10m thì chỉ tính hỗ trợ đủ 10m của nhà đó bằng mức bồi thường.

6. Hỗ trợ công trình xây dựng phục vụ sản xuất nông nghiệp:

Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự ý xây dựng các công trình để phục vụ mục đích sản xuất trên đất nông nghiệp trước ngày công bố thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án, khi xây dựng không có văn bản xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận công trình xây dựng với mục đích phục vụ sản xuất nông nghiệp thì thực hiện hỗ trợ đối với tài sản xây dựng trên đất, mức hỗ trợ bằng mức bồi thường.

7. Hỗ trợ thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ:

Nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày thông báo thu hồi đất thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không phải di dời khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 KV theo quy định của Luật Điện lực thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc hỗ trợ được thực hiện 01 lần như sau:

a) Nhà một tầng lợp mái, nhà tạm, công trình phụ phục vụ sinh hoạt mức hỗ trợ bằng 70% giá trị bồi thường đối với phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ lưới điện cao áp;

b) Nhà mái bằng đồ bê tông cốt thép và vật kiến trúc khác mức hỗ trợ bằng 50% giá trị bồi thường đối với phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ lưới điện cao áp;

c) Nhà, công trình bị hành lang lưới điện cao áp chiếm dụng từ 70% trở lên thì hỗ trợ theo mức quy định tại điểm a, điểm b khoản này cho toàn bộ nhà, công trình;

d) Khi đã hỗ trợ, người có tài sản phải có biện pháp xử lý an toàn khi sử dụng.

Nếu chủ dự án thấy việc xử lý an toàn không thể thực hiện được thì bồi thường theo quy định để người có tài sản di chuyển ra khỏi phạm vi hành lang bảo vệ an toàn;

đ) Trường hợp nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày thông báo thu hồi đất thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, không phải di dời khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 KV theo quy định, thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt được hỗ trợ, mức hỗ trợ được thực hiện 01 lần bằng 70% mức hỗ trợ theo quy định điểm a, b và c khoản này.

8. Hỗ trợ thiệt hại tài sản gắn liền với đất là công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn:

Chủ sở hữu tài sản được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường công trình theo đơn giá của UBND tỉnh đối với trường hợp phá dỡ, tháo dỡ, di dời.

9. Hỗ trợ gia đình chính sách

a) Hộ gia đình có thành viên là người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng bao gồm: Người hoạt động cách mạng trước 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ 01 tháng 01 năm 1945 đến trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945; bà mẹ Việt Nam anh hùng; anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; thân nhân liệt sĩ phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân;

b) Hộ gia đình có thành viên là người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng bao gồm: thương binh, người hưởng chính sách như thương binh tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến 80%; bệnh binh tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%; người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; gia đình có công với cách mạng phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 7.000.000 đồng/hộ;

c) Hộ gia đình có người thuộc diện được hưởng trợ cấp, xã hội khác của Nhà nước phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ;

d) Trong hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách xã hội thì được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

10. Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân nghèo, cận nghèo:

Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí hộ nghèo do Chính phủ quy định trong từng thời kỳ thì được hỗ trợ bằng tiền 01 lần, như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở thì thời gian hỗ trợ là 84 tháng. Quy định này áp dụng cho cả trường hợp hộ gia đình vừa phải di chuyển chỗ ở vừa có đất nông nghiệp thu hồi;

b) Hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp bị thu hồi mà không phải di chuyển chỗ ở:

Diện tích thu hồi dưới 30% thì thời gian hỗ trợ 36 tháng;

Diện tích thu hồi từ 30% đến 50% thì thời gian hỗ trợ 48 tháng;

Diện tích thu hồi từ trên 50% đến 70% thì thời gian hỗ trợ 60 tháng;

Diện tích thu hồi từ trên 70% thì thời gian hỗ trợ 72 tháng.

c) Mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này là: 500.000 đồng/khẩu/tháng;

d) Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân cận nghèo: Mức hỗ trợ bằng 50% hộ nghèo.

đ) Điều kiện hỗ trợ: diện tích đất nông nghiệp thu hồi quy định tại điểm b nêu trên phải đảm bảo từ 100m² trở lên đối với đất sản xuất nông nghiệp và 1.000m² trở lên đối với đất rừng.

11. Hỗ trợ di chuyển tài sản:

a) Đối với tổ chức:

Đối với hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất và tài sản hợp pháp có thể tháo dỡ và di chuyển được thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ biên bản điều tra hiện trạng, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thu hồi đất, đề thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân lập dự toán tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt lại (bao gồm cả mức thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất), trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải phá dỡ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển, mức hỗ trợ chi phí di chuyển là: 20.000.000 đồng/hộ;

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải phá dỡ một phần nhà, công trình nhưng không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản, mức hỗ trợ chi phí di chuyển là: 10.000.000 đồng/hộ.

c) Đối với nhà, công trình có thể tháo dỡ, di chuyển đến vị trí khác để lắp đặt được bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt theo Quyết định ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, trường hợp không có đơn giá để áp dụng thì tính dự toán theo Định mức dự toán xây dựng công trình hiện hành.

d) Đối với nhà, công trình ngoài ranh giới thu hồi nếu phải tháo dỡ, xây dựng lại các công trình trên đất để đảm bảo điều kiện sinh hoạt thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng kiểm tra cụ thể mức độ ảnh hưởng và đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định bồi thường hoặc hỗ trợ di dời công trình.

12. Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở: Hỗ trợ bằng 50% giá đất ở theo bảng giá, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất ở tối đa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Hỗ trợ theo khoản 7 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP: Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì hỗ trợ bằng 30% giá đất bị thu hồi trong Bảng giá đất.

14. Hỗ trợ theo khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP: Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất

theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì hỗ trợ bằng 30% giá đất bị thu hồi trong Bảng giá đất.

15. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nếu đang sử dụng đất có nguồn gốc là đất bãi bồi bờ sông, bờ suối (*thửa đất có bờ thửa, ranh giới rõ ràng, sử dụng liên tục, ổn định không tranh chấp từ năm 1993 đến thời điểm thông báo thu hồi đất*) thì hỗ trợ bằng 30% giá đất thu hồi theo mục đích sử dụng đất nông nghiệp tại thời điểm thông báo thu hồi đất.

16. Đối với đất nông nghiệp của hộ, gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, đang sử dụng đất mà tại thời điểm thu hồi đất không đủ điều kiện để canh tác do thiên tai sạt lở đất hoặc bị ảnh hưởng do quá trình Nhà nước thi công xây dựng công trình thì ngoài việc bồi thường theo quy định còn được hỗ trợ 3,5 lần đơn giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất đối với toàn bộ diện tích.

17. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán đất, hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán vườn cây sử dụng đất để trồng mới, chăm sóc vườn cây, thu hoạch quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP đang trực tiếp canh tác sử dụng đất mà không có hợp đồng giao khoán (*áp dụng cho trường hợp mất hợp đồng giao khoán hoặc trường hợp các thửa đất mà trước đây Hợp đồng giao khoán bị giao nhầm cho người khác, giao khoán nhầm lô đất, giao khoán không đúng chủ sử dụng thực tế*) mà được địa phương nơi có đất thu hồi xác nhận là hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó thì được hỗ trợ bằng mức hỗ trợ quy định tại Điều 8 Quyết định này.

18. Hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng diện tích đất ở ghi trong Giấy chứng nhận thấp hơn diện tích đất ở thực tế đang sử dụng.

a) Đối với các trường hợp có nhà ở, công trình phục vụ đời sống được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, không có tranh chấp, không vi phạm pháp luật đất đai, thì được xem xét hỗ trợ bằng tiền đối với phần diện tích chênh lệch giữa diện tích đất ở ghi trong Giấy chứng nhận với hạn mức giao đất ở của tỉnh. Mức hỗ trợ đề xuất bằng đơn giá bồi thường đất ở của thửa đất liền kề tại thời điểm thu hồi đất.

b) Đối với các trường hợp có nhà ở, công trình phục vụ đời sống được sử dụng ổn định từ sau ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 không có tranh chấp, không vi phạm pháp luật đất đai, thì được xem xét hỗ trợ bằng tiền đối với phần diện tích chênh lệch giữa diện tích đất ở ghi trong Giấy chứng nhận với hạn mức giao đất ở của tỉnh. Mức hỗ trợ đề xuất bằng 50% đơn giá bồi thường đất ở của thửa đất liền kề tại thời điểm thu hồi đất.

19. Đối với các trường hợp xây dựng nhà ở trên đất ở hoặc đất nông nghiệp của bố mẹ, anh, chị, em, người thân mà không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã, phường nơi có đất thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Mặt trận tổ quốc cùng cấp xem xét từng trường hợp cụ thể Quyết định hỗ trợ tái định cư đảm bảo có chỗ ở mới, ổn định đời sống cho chủ sở hữu tài sản.

20. Hỗ trợ ổn định đời sống là thành viên trong hộ gia đình của cá nhân bị thu hồi đất

a) Hỗ trợ ổn định đời sống đối với các nhân khẩu là thành viên trong hộ gia đình của cá nhân bị thu hồi đất *(bao gồm cả các nhân khẩu có chung huyết thống phát sinh sau thời điểm giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, các nhân khẩu chưa đến độ tuổi lao động)* tại thời điểm thu hồi đất, mức hỗ trợ đối với mỗi nhân khẩu bằng mức hỗ trợ ổn định đời sống theo khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 16 Quy định này.

b) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với các nhân khẩu là thành viên trong hộ gia đình của cá nhân bị thu hồi đất *(bao gồm cả các nhân khẩu có chung huyết thống phát sinh sau thời điểm giao đất, công nhận quyền sử dụng đất)* mà hiện nay có ít nhất 01 thành viên đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập trên thửa đất do tại thời điểm thu hồi đất, mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 8 Quyết định này.

21. Ngoài các khoản hỗ trợ nêu trên, căn cứ tình hình thực tế tại từng địa phương, để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với từng trường hợp, dự án cụ thể.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư liên quan đến lĩnh vực đất đai;

b) Kịp thời phát hiện và tiếp nhận ý kiến, kiến nghị các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng các dự án, đề nghị các sở, ngành, đơn vị có liên quan giải quyết theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền được giao; phối hợp với các cơ quan liên quan để tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo giải quyết.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

d) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chủ trì giải quyết các vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm thẩm định nội dung bồi thường về đất; tổng

hợp phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

e) Phối hợp hướng dẫn xác định chỉ giới hành lang an toàn công trình hồ thủy điện, thủy lợi theo quy định và mức độ hạn chế khả năng sử dụng, ảnh hưởng của công trình.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; vướng mắc trong việc xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người có đất thu hồi.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý. Thực hiện nhiệm vụ là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A; báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan bố trí kịp thời nhu cầu vốn cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và nhu cầu xây dựng khu tái định cư đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

đ) Tổng hợp, báo cáo giá thị trường đối với gạo tẻ thường trên địa bàn tỉnh làm cơ sở xác định mức bồi thường, hỗ trợ quy định

3. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tài sản nhà, nhà ở, công trình xây dựng, mồ mã và các nội dung khác liên quan thuộc lĩnh vực quản lý của ngành;

b) Hướng dẫn, xác định chỉ giới hành lang, phạm vi bảo vệ an toàn thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định hoặc cho ý kiến về phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các đối tượng bị thu hồi đất do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp xã đề nghị; tổng hợp phương án đào tạo, chuyển đổi nghề của cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các Sở, ngành khác có liên quan thẩm định, hướng dẫn, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đối với nội dung Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất.

6. Các sở, ngành khác

Phối hợp, tham gia thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với những nội dung liên quan thuộc chức năng quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Đất đai, các Nghị định hướng dẫn thi hành và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ trì giải quyết các vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền; Tổng hợp đối với các trường hợp có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với từng dự án, báo cáo cấp có thẩm quyền (nếu có) theo quy định.

3. Quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với từng dự án cụ thể theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội và Quy định này. Mức hỗ trợ không vượt quá các mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 19 Quy định này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của các dự án trên địa bàn khi có yêu cầu.

5. Tổng hợp giá gạo tẻ thường trên địa bàn gửi đến Sở Tài chính để thông báo giá gạo tẻ thường để làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 23. Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Đất đai, các Nghị định hướng dẫn thi hành và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Lập, hoàn thiện và trình thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tổ chức triển khai thực hiện các phương án đã được phê duyệt.

3. Có trách nhiệm áp dụng đúng quy định các văn bản pháp luật, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, hợp lý của số liệu trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến, tuyên truyền chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4. Tổng hợp, báo cáo, đề xuất kịp thời cấp có thẩm quyền để giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổng hợp, gửi báo cáo theo định kỳ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 24. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án

Các chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong quá trình tổ chức thực hiện; bảo đảm kinh phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Điều 25. Xử lý chuyển tiếp

1. Trường hợp trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành mà chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đất đai và Quy định này.

2. Trường hợp đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng chưa có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt và ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và điều chỉnh cho phù hợp./.